

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Vũ Thị Bền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: thôn Ô M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: thôn Đông Q, phường Tân H, thành phố Hải D, tỉnh Hải Dương

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: thôn Ô M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Hữu D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ ngày 18/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng ở thôn Ô M, xã Hưng Đạo. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, anh D chơi bời nghiện ma túy, không lo toan cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ con. Năm 2019, anh D phải đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện Hải Dương. Năm 2020 sau

khi cai nghiện về địa phương anh D không thay đổi mà tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án xử phạt 21 tháng tù giam. Hiện anh D đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Tháng 10/2021 chị C đưa ba con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn D P, sinh ngày 01/8/2016; cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 21/5/2018 và cháu Nguyễn D D, sinh ngày 01/6/2020, hiện các con chung đều đang ở cùng chị C. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung vì anh D hiện đang phải đi chấp hành án, chị C tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị C hiện đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ và đi làm công ty có mức thu nhập từ 8 - 10 triệu đồng/ tháng, được bố mẹ hỗ trợ nuôi con nên chị đủ điều kiện nuôi dưỡng các con và cho các con có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt.

+ Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có Công văn gửi Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa trong việc phối hợp giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D, anh D đã nhận được các văn bản của Tòa án và có quan điểm do anh đang phải chấp hành án nên anh không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị C, ngoài ra anh không trình bày quan điểm về con chung đồng thời anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

- *Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Dên là mẹ đẻ anh D, bà Dên trình bày:* Anh D là con trai, chị C là con dâu của bà. Về điều kiện kết hôn giữa anh D và chị C như chị C trình bày là đúng, anh chị không có mâu thuẫn gì, có chăng là do anh D bị bạn bè dụ dỗ lôi kéo sử dụng ma túy đá và phải đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện của tỉnh Hải Dương, sau khi cai nghiện về anh D lại tiếp tục vi phạm pháp luật và hiện nay đang phải đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Bà không trách gì về việc chị C xin ly hôn anh D, cũng do lỗi của anh D đưa đời bạn bè, bà chỉ mong chị C suy nghĩ lại cho và anh D một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu chị C kiên quyết ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Tại Đơn đề nghị của ông Đỗ Đình Chủ và bà Đỗ Thị Trang là bố mẹ đẻ chị C gửi Tòa án thể hiện:* Hiện nay chị C và các con đang sống cùng ông bà và được ông bà hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Ông bà đề nghị giao cả 03 con chung cho chị C nuôi dưỡng.

- *Biên bản xác minh tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ thể hiện:*

Chị C và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2015. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương và đến nay địa phương chưa lần nào nhận được đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của chị C hay anh D. Đối với anh D năm 2019 do chơi bời, sử dụng ma túy nên đã phải đi cai nghiện, đến năm 2020 sau khi cai nghiện về anh D không có sự thay đổi, năm 2021 anh D vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Thời gian anh D đi chấp hành án, chị C đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và giải quyết về con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị C và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị C về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu D. Về con chung: Giao con chung là các cháu Nguyễn D P, sinh ngày 01/08/2016, Nguyễn Gia L, sinh ngày 21/05/2018, Nguyễn D D, sinh ngày: 01/06/2020 cho chị Đỗ Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Nguyễn Hữu D phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh D có quyền thăm nom con chung, chị C không được phép ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Đỗ Thị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Nguyễn Hữu D, trước thời điểm thụ lý vụ án anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và có chỗ ở tại thôn Ô M, xã Hưng Đ, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương, đến thời điểm thụ lý anh D đang đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị C là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Hữu D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị C, anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Hữu D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ ngày 18/12/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, căn cứ vào lời trình bày của chị C, bà Huyền mẹ anh D, xác minh tại UBND xã Hưng Đạo và thực tế việc anh D đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa có đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị C, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu D là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn D P, sinh ngày 01/8/2016; cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 21/5/2018 và cháu Nguyễn D D, sinh ngày 01/6/2020, hiện các con chung đều đang ở cùng chị C. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị C và các con hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ chị C và được bố mẹ chị hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc nên các con có cuộc sống ổn định, chị C hiện đang làm công ty có thu nhập từ 8 - 10 triệu đồng/ tháng nên về điều kiện nuôi con xác định chị C đủ điều kiện. Mặt khác anh D hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị C, giao các con chung cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc và chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tại phiên tòa

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị C có quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ, anh D không có quan điểm nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị C khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Nguyễn Hữu D

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là cháu Nguyễn D P, sinh ngày 01/8/2016; cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 21/5/2018 và cháu Nguyễn D D, sinh ngày 01/6/2020 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003210 ngày 07/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Đỗ Thị C và anh Nguyễn Hữu D biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Bền Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Xuân Thành